

TRƯỜNG ĐH NHA TRANG

THÔNG TIN CHỦ YẾU

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia xét tuyển vào đại học theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Mã tuyển sinh: TSN

Phạm vi: Tuyển sinh trên toàn quốc

Tổng chỉ tiêu: 3.600 chỉ tiêu

1.3. Phương thức tuyển sinh

Thí sinh có thể chọn cùng lúc nhiều phương thức xét tuyển sau:

Xét tuyển dựa vào điểm thi THPT năm 2022;

Xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2022;

Xét tuyển dựa vào điểm thi Đánh giá năng lực của ĐHQG TP. HCM năm 2022;

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hình thức riêng của Trường và theo quy chế của Bộ GD&ĐT.

1.4. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường định hướng phát triển thêm 05 ngành, chuyên ngành CTĐT gồm:

TT	Mã ngành	Tên chuyên ngành thuộc ngành	Ghi chú
1	7620303	Ngành Khoa học thủy sản	Lập Hồ sơ mở ngành trình Hội đồng trường xem xét thông qua Hội đồng KH-ĐT trường nghiệm thu CTĐT
2	7520216	Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
3	7340201	Chuyên ngành Công nghệ tài chính (ngành Tài chính – Ngân hàng)	
4	7580201	Chuyên ngành Quản lý xây dựng (ngành Kỹ thuật xây dựng)	
5	7310101	Chuyên ngành Quản lý kinh tế (ngành Kinh tế)	
	Tổng	02 ngành và 03 chuyên ngành	

Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 theo kế hoạch được thể hiện chi tiết tại Bảng 5

Bảng 1: Thông tin ngành đào tạo và chỉ tiêu xét tuyển

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm	Chỉ tiêu	Có điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	7340101 A	Quản trị kinh doanh (<i>Chương trình song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019	30	X
2	7340301 PHE	Kế toán (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	30	X
3	7480201 PHE	Công nghệ thông tin (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019	30	X
4	7810201 PHE	Quản trị khách sạn (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	1580/QĐ-ĐHNT, 09/12/2019	60	X
5	7620304	Khai thác thủy sản	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
6	7620305	Quản lý thủy sản	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
7	7620303	Khoa học thủy sản (dự kiến mở)		50	
8	7620301	Nuôi trồng thủy sản (<i>3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản</i>)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	160	
9	7420201	Công nghệ sinh học	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	60	
10	7520320	Kỹ thuật môi trường	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
11	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	80	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm	Chỉ tiêu	Có điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	7510202	Công nghệ chế tạo máy	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
13	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	80	
14	7520115	Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	80	
15	7840106	Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	80	
16	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
17	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	80	
18	7520130	Kỹ thuật ô tô	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	180	XX
19	7520201	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử)	850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020	100	
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (dự kiến mở)		50	
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng (03 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Quản lý xây dựng)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	180	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm	Chỉ tiêu	Có điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	7520301	Kỹ thuật hoá học	850/NQ-ĐHNT, 25/8/2020	50	
23	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	180	XX
24	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	
25	7480201	Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	220	X
26	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	50	XX
27	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	30	
28	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	140	X
29	7810201	Quản trị khách sạn	897/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019	150	X
30	7340101	Quản trị kinh doanh	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	150	X
31	7340115	Marketing	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	110	X
32	7340121	Kinh doanh thương mại	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	110	X

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở ngành/ chuyển đổi ngành; ngày tháng năm	Chỉ tiêu	Có điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	150	X
34	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	150	X
35	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	896/QĐ-ĐHNT, 03/8/2019	120	XX
36	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	200	X
37	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	100	
38	7310105	Kinh tế phát triển	1140/QĐ-BGDDT, 26/3/2018	60	XX
Tổng số 35 ngành (53 chuyên ngành/chương trình đào tạo)				3.600	13 + 5

Ghi chú:

- Trên ngành/chuyên ngành màu đỏ là dự kiến mở trong năm 2022
 - "XX" trong cột (6) là ngành dự kiến áp điểm sàn tiếng Anh năm 2022
- Tổ hợp xét tuyển đối với phương thức dựa vào điểm thi THPT năm 2022 như Bảng 6.

Bảng 6: Tổ hợp xét tuyển theo Điểm thi THPT

TT	Tổ hợp xét tuyển	TT	Tổ hợp xét tuyển
1	A00: Toán, Vật lý, Hóa học	7	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
2	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	8	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
3	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	9	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
4	C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý	10	D96: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
5	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	11	D97: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Pháp
6	D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	12	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

- Điểm sàn áp dụng cho như nhau cho tất cả tổ hợp xét tuyển trong mỗi ngành đào

ạo.

- Điểm chuẩn trúng tuyển đối với Điểm thi THPT năm 2022:
 - Đối với một ngành, chênh lệch điểm chuẩn trúng tuyển giữa các tổ hợp bằng 0.
 - Mỗi ngành chỉ có một điểm chuẩn trúng tuyển được áp dụng cho tất cả tổ hợp môn xét tuyển của ngành đó.
 - Thí sinh lựa chọn và chỉ đăng ký một tổ hợp môn thi có kết quả tốt nhất

1.5. Điều kiện nhận ĐKXT; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

a. Đối với phương thức theo điểm thi THPT năm 2022

Sử dụng tối đa 30% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành đào tạo theo phương thức này, sẽ bổ sung điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển sau khi có kết quả thi THPT năm 2021.

b. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2022

Sử dụng tối thiểu 40% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành dựa vào điểm xét tốt nghiệp. Phương thức này không tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng khi xét tuyển.

c. Đối với phương thức xét tuyển điểm Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2022

Sử dụng tối đa 25% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả ngành đào tạo. Phương thức này không tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng khi xét tuyển.

d. Đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Sử dụng tối đa 5% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành đào tạo theo các hình thức tuyển thẳng, ưu tiên tuyển thẳng, cụ thể:

Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo phương thức riêng của Trường Đại học Nha Trang.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

1.6.1. Xét tuyển theo điểm thi THPT năm 2022

Bảng 7: Ngành đào tạo và Tổ hợp xét tuyển theo Điểm thi THPT 2022

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2022
I	Chương trình tiên tiến – chất lượng cao		
1	7340101A	Quản trị kinh doanh (<i>Chương trình song ngữ Anh-Việt</i>)	A01; D01; D07; D96
2	7340301P HE	Kế toán (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	A01; D01; D07; D96
3	7480201P HE	Công nghệ thông tin (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	A01; D01; D07; D96
4	7810201P HE	Quản trị khách sạn (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	A01; D01; D07; D96
II	Chương trình chuẩn/đại trà		

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2022
5	7620304	Khai thác thủy sản	A00; A01; B00; D07
6	7620305	Quản lý thủy sản	A00; A01; B00; D07
7	7620303	Khoa học thủy sản (dự kiến mở)	A00; A01; B00; D07
8	7620301	Nuôi trồng thủy sản (3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)	A01; B00; D01; D96
9	7420201	Công nghệ sinh học	A00; A01; B00; D07
10	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00; A01; B00; D07
11	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A00; A01; C01; D07
12	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00; A01; C01; D07
13	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; C01; D07
14	7520115	Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)	A00; A01; C01; D07
15	7840106	Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	A00; A01; C01; D07
16	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00; A01; C01; D07
17	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	A00; A01; C01; D07
18	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00; A01; C01; D07
19	7520201	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	A00; A01; C01; D07
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (dự kiến mở)	A00; A01; C01; D07
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Quản lý xây dựng)	A00; A01; C01; D07
22	7520301	Kỹ thuật hoá học	A00; A01; B00; D07
23	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	A00; A01; B00; D07
24	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	A00; A01; B00; D07
25	7480201	Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	A01; D01; D07; D96
26	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A01; D01; D07; D96
27	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	D03; D97
28	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01; D01; D07; D96

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2022
29	7810201	Quản trị khách sạn	A01; D01; D07; D96
30	7340101	Quản trị kinh doanh	A01; D01; D07; D96
31	7340115	Marketing	A01; D01; D07; D96
32	7340121	Kinh doanh thương mại	A01; D01; D07; D96
33	7340201	Tài chính - ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	A01; D01; D07; D96
34	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	A01; D01; D07; D96
35	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	C00; D01; D07; D96
36	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	A01; D01; D14; D15
37	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)	A01; D01; D07; D96
38	7310105	Kinh tế phát triển	A01; D01; D07; D96
		Phát triển mới trong năm học 2021-2022	
39	7620303	Ngành Khoa học thủy sản	A00; A01; B00; D07
40	7520216	Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; C01; D07
41	7340201	Chuyên ngành Công nghệ tài chính (ngành Tài chính – Ngân hàng)	A01; D01; D07; D96
42	7580201	Chuyên ngành Quản lý xây dựng (ngành Kỹ thuật xây dựng)	A00; A01; C01; D07
43	7310101	Chuyên ngành Quản lý kinh tế (ngành Kinh tế)	A01; D01; D07; D96
		Tổng số 35 ngành (55 chuyên ngành/chương trình đào tạo)	

1.6.2. Xét tuyển bằng điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2022

a. Thời gian xét tuyển:

- ❖ Xét tuyển đợt 1: theo kế hoạch chung của Bộ.
- ❖ Xét tuyển đợt 2 (nếu có): theo kế hoạch riêng của trường.

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển bằng điểm xét tốt nghiệp theo mẫu quy định.
- Bản photo công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Hình thức đăng ký xét tuyển: theo một trong 2 cách sau đây:

- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại: xettuyen.ntu.edu.vn
- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại trường.

1.6.3. Xét tuyển bằng điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG TP. HCM năm 2022

a. Thời gian xét tuyển: 01/5/2022 – 30/7/2022

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu quy định.
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL.
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Cách thức nộp hồ sơ xét tuyển: theo một trong 2 cách sau đây:

- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại: xettuyen.ntu.edu.vn
- Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại trường.

1.6.4. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển riêng của Trường

a. Thời gian xét tuyển: 01/5/2022 – 15/7/2022

b. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

b.1. Đối tượng 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT vào tất cả các ngành.

b.2. Đối tượng 2: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định riêng của Trường

➤ **Đối tượng 2.1:** Học sinh trường THPT chuyên, năng khiếu, trường thuộc nhóm có điểm THPT cao nhất

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào trường ở tất cả các ngành đối với các thí sinh sau:

- Học sinh của 82 trường THPT chuyên, năng khiếu các trường đại học, tỉnh thành trên toàn quốc.
- Học sinh của 50 trường THPT thuộc nhóm 100 trường có điểm trung bình kết quả THPT cao nhất cả nước trong 3 năm 2019, 2020, 2021

Điều kiện đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT.
- Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12; **hoặc** là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; **hoặc** đạt giải nhất, nhì Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.
- Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

➤ **Đối tượng 2.2:** Thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào **02 ngành:** Công nghệ sinh học, Kỹ thuật môi trường đối với thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh Khánh Hòa do Trường ĐHNT phối hợp với Sở GD&ĐT Khánh Hòa, Ninh Thuận và Phú Yên đồng tổ chức. Cụ thể:

i) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh có 1 trong các tiêu chuẩn sau:

- Đạt giải nhất, nhì hoặc ba của Cuộc thi, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi;
- Tốt nghiệp THPT từ loại Giỏi trở lên, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi.

ii) Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh đạt 1 trong các tiêu chuẩn sau:

- Vượt qua vòng loại đầu tiên của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2022), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
- Vào tới vòng bán kết của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2022), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
- Vào vòng chung kết (vòng cuối cùng) của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 3,0 (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2022), quy đổi tương ứng với các phương thức khác.

➤ **Đối tượng 2.3:** Thí sinh đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Trường Đại học Nha Trang tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế, cụ thể:

i) Xét tuyển thẳng đối với TS đạt đồng thời các tiêu chuẩn sau:

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế 550 điểm hoặc TOEFL (iBT) 65 điểm trở lên (còn hiệu lực).

Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 6.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 600 điểm hoặc TOEFL (iBT) 70 điểm trở lên (còn hiệu lực).

- Tốt nghiệp THPT từ loại Khá trở lên.

ii) Ưu tiên xét tuyển đối với TS đạt các tiêu chí như sau:

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 3.5 – 4.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 400 - 450 điểm hoặc TOEFL (iBT) 30 - 40 điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (tính theo Phương thức xét tuyển dựa vào điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 4.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế 450 - 500 điểm hoặc TOEFL (iBT) 41 - 52 điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2022), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 500 - 550 điểm hoặc TOEFL (iBT) 53 - 64 điểm (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 3,0 (tính theo Phương thức xét tuyển dựa vào điểm thi THPT 2022), quy đổi tương ứng với các phương thức khác.

4.1.7. Chính sách ưu tiên

Bên cạnh các chính sách ưu tiên như trên, Trường Đại học Nha Trang còn có các chính sách ưu tiên khác cụ thể sau:

4.1.7.1. Ưu tiên về ký túc xá

Miễn phí 100% ký túc xá cho thí sinh vào học một số ngành khó tuyển, sẽ rà soát và công bố chi tiết sau. Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường xem xét miễn giảm khi SV đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định.

4.1.7.2. Chính sách học bổng

- Nhà trường có học bổng cho thủ khoa đầu vào và học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

- Ngoài ra, các Khoa/Viện có nguồn kinh phí tài trợ học bổng, học phí cho sinh viên từ các doanh nghiệp, cựu sinh viên, các tổ chức trong và ngoài nước.